TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2023/DS-PT
Ngày: 08-02-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Sơn

Các Thẩm phán:

- Ông Lâm Thuận Tùng;
- Ông Trần Minh Hải.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: bà Trần Phan Ý Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 02 năm 2023 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 225/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 11 năm 2022 "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 179/2022/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân huyện CP, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 229/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2022, các Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 350/2023/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2022 và Quyết định số 19/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1958;

Nơi cư trú: Số 48 đường Yết Kiêu, khóm Vĩnh Tiến, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N là: Bà Lê Lâm T, sinh năm 1970 (theo Văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 02 năm 2021);

Nơi cư trú: 213 đường cặp Rạch Cái S, tổ 126, khóm ĐT 8, phường MP, thành phố LX, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Huỳnh Thị Kim C, sinh năm 1964;

2.2. Ông Tô Hữu T2, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 21, khóm VL, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C, ông T2: Bà Trần Thị H, sinh năm 1950; nơi cư trú: Ấp Ba Tục A, xã Thanh Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (theo Văn bản ủy quyền ngày 31 tháng 5 năm 2021)

Người kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Kim C.

Các đương sự: Lê Lâm T, Huỳnh Thị Kim C, Tô Hữu T2 và Trần Thị H có mặt tại phiên tòa; bà Lê Thị N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 3 năm 2021, nguyên đơn Lê Thị N trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Khoảng tháng 7 năm 2018, bà N có cho vợ chồng bà C, ông T2 vay số tiền 150.000.000đ, với lãi suất thỏa thuận là 2,5%/ tháng, khi vay bà C, ông T2 có làm biên nhận ngày 24/5/2018 âm lịch (ngày 07/7/2018 dương lịch), bà C, ông T2 cam kết trả khi bà N có nhu cầu thu hồi vốn. Bà C, ông T2 có trả lãi từ ngày 07/7/2018 dương lịch đến 22/4/2020 dương lịch thì không trả lãi và vốn. Bà N nhiều lần yêu cầu bà C, ông T2 trả lãi và vốn theo nhận nợ, bà C, ông T2 hẹn nhiều lần nhưng không trả. Nay bà N yêu cầu bà C, ông T2 cùng có nghĩa vụ liên đới trả vốn 150.000.000đ và tính lãi từ ngày 22/4/2020 cho đến khi xét xử và thi hành án.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà C và ông T2 là bà Trần Thị H trình bày tại bản tự khai, các biên bản hòa giải, biên bản đối chất như sau:

Bà C và ông T2 không có vay tiền của bà N. Bà C và ông T2 không viết và ký tên vào biên nhận nợ ngày 07/7/2018 (nhằm 24/5/2018 âm lịch) với bà N, do bên phía bà N xuất trình. Do đó bà C và ông T2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N. Đồng thời, bà C và ông T2 yêu cầu giám định chữ viết trong biên nhận nợ ngày 07/7/2018 (nhằm 24/5/2018 âm lịch), vì biên nhận nợ ngày 07/7/2018 dương lịch (nhằm 24/5/2018 âm lịch) không phải do bà C viết và ký tên, không phải do ông T2 ký vào biên nhận. Nếu kết quả giám định chữ ký, chữ viết trong biên nhận ngày 24/5/2018 âm lịch là do bà C viết và ký, ông T2 ký thì bà C, ông T2 sẽ đồng ý trả nợ cho bà Lê Thị N. Ngoài ra, bà C và ông T2 cho rằng trong biên nhận ghi là "NG.Thị Nguyệt" thì không phải là Lê Thị N.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 179/2022/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân huyện CP, tỉnh An Giang quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 159, khoản 4 Điều 161, khoản 1 Điều 273, Điều 278; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 288, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N đối với bà Huỳnh Thị Kim C và ông Tô Hữu T2 về tiền vay và nợ lãi.

- Buộc bà Huỳnh Thị Kim C và ông Tô Hữu T2 cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Lê Thị N tổng số tiền là 192.125.000 đồng (trong đó gồm vốn vay 150.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 12/8/2022 là 42.125.000 đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo 13/8/2022 dương lịch cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, bà Huỳnh Thị Kim C kháng cáo đối với toàn bộ Bản án Dân sự sơ thẩm số 179/2022/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân huyện CP, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với các đương sự còn lại không có kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân không có kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bàTrần Thị H đại diện theo ủy quyền của các bị đơn thừa nhận bà C, ông T2 có ký tên trong biên nhận ngày 24/5/2018 âm lịch có nội dung ghi "…hôm nay tôi có mượn chị Ng Thị Nguyệt số tiền là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu đồng chẵn)…" nhưng cho rằng biên nhận này là do Cúc, ông T2 vay của người quen là bà Nguyễn Thị N3 ở huyện DH, tỉnh Trà Vinh, nhận tiền vay tại nhà bà Nguyễn Thị N3 ở huyện DH, còn người khởi kiện trong vụ án này tên là Lê Thị N thì bà C, ông T2 không biết.

Đại diện theo ủy quyền của nà Nguyệt, bà Lê Lâm T trình bày vẫn giữ nguyên các nội dung như đã trình bày ở cấp sơ thẩm, yêu cầu giữ nguyên nội dung của bản án sơ thẩm .

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị Kim C có nội dung rõ ràng, nộp trong thời hạn luật định và bà C đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên đủ điều kiện xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về việc chấp hành của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung vụ án:

Có căn cứ xác định vào ngày 07/7/2018 bà C, ông T2 có vay số 150.000.000đ của bà Lê Thị N. Khi vay các đương sự thỏa thuận trả lãi 2,5%/tháng là cao hơn so với quy định của pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm tính lại lãi suất theo mức lãi 20% là có căn cứ. Tuy nhiên, việc cấp sơ thẩm tính lãi từ ngày 07/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 12/8/2022 đối với số tiền vốn vay 150.000.000đ, sau đó mới khấu trừ lại số tiền 80.625.000 đồng bị đơn đã trả lãi, buộc ông T2, bà C phải trả số tiền còn lại 192.125.000 đồng cho bà Lê Thị N (trong đó vốn vay là 150.000.000 đồng, tiền lãi còn phải trả đến ngày 12/8/2022 là 42.125.000 đồng) là không khách quan, đề nghị tính lãi lại theo từng mốc thời gian như sau:

- Từ 07/7/2018 đến 22/4/2020: 150.000.000đ x 20%/năm x 1 năm 9 tháng 15 ngày = 53.750.000 đồng.

Cộng vốn và lãi là: 150.000.000đ + 53.750.000đ = 203.750.000đ, sau đó khấu trừ lại tiền 80.625.000đ đã trả, số còn lại: 203.750.000đ – 80.625.000đ = 123.125.000đ.

Từ ngày 23/4/2020 đến 12/8/2022: 123.125.000đ x 20%/năm x 2 năm 3 tháng 20 ngày = 56.635.000 đồng.

Cộng vốn và lãi là: 123.125.000đ + 56.635.000đ = 179.760.000.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; sửa án sơ thẩm; buộc bà Huỳnh Thị Kim C và ông Tô Hữu T2 có nghĩa vụ liên đới trả 179.760.000 đồng cho bà Lê Thị N số tiền 3.060.000 đ (ba triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng). Trong đó gồm: Vốn vay là 123.125.000 đồng, tiền lãi còn phải trả đến ngày 12/8/2022 là 56.635.000 đồng và chịu án phí dân sự sơ thẩm theo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội dồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị Kim C: Bản án dân sự sơ thẩm được tuyên án ngày 12 tháng 8 năm 2022, đến ngày 22 tháng 8 năm 2022, bà Huỳnh Thị Kim C kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm. Xét thấy, đơn kháng cáo của bà C nộp trong thời hạn luật định, có hình thức và nội dung đúng

theo quy định của pháp luật, bà C đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, nên đủ điều kiện xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về nội dung khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Kim C, ông Tô Hữu T2 trả khoản tiền vay 150.000.000 đồng, xét thấy:

Nguyên đơn bà Lê Thị N khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Kim C, ông Tô Hữu T2 cùng có nghĩa vụ liên đới trả vốn vay 150.000.000 đồng và tính lãi của số tiền này từ ngày 22/4/2020 cho đến khi xét xử và thi hành án. Nguyên đơn có cung cấp tài liệu, chứng cứ là: Biên nhận vay tiền nhằm 24/5/2018 âm lịch (nhằm ngày 07/7/2018 dương lịch) thể hiện nội dung vợ chồng bà C, ông T2 có vay 150.000.000 đồng của bà N, có ký tên vào biên nhận vay tiền.

Ngoài ra, bà N còn có cung cấp lời khai của người làm chứng là bà Tống Thị N2 (là giáo viên dạy học chung trường với bà C) xác định có biết và chứng kiến việc bà C và ông T2 có vay 150.000.000 đồng của bà N, lãi suất 2,5%/tháng.

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm bà C, ông T2 không thừa nhận có vay tiền của bà N, không thừa nhận có ký tên trong biên nhận vay tiền do bà N cung cấp và có yêu cầu giám định chữ viết trong biên nhận nợ nhằm 24/5/2018 âm lịch (nhằm ngày 07/7/2018 dương lịch). Đồng thời cho rằng, nếu kết luận giám định xác định chữ ký trong biên nhận nợ là của chính các bị đơn ký thì ông T2, bà C sẽ thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay theo yêu cầu của nguyên đơn.

Căn cứ Kết luận giám định số 36/KL-KTHS-(TL-GT) ngày 20/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang xác định chữ ký, chữ viết họ tên "Huỳnh Thị Kim C" trong biên nhận là của bà C viết và ký ra, còn chữ ký mang tên "Tô Hữu T2" do ông T2 ký ra.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà C, ông T2 và bà Hoa (đại diện theo ủy quyền của bà C, ông T2) thừa nhận bà C, ông T2 có ký tên trong biên nhận ngày 24/5/2018 âm lịch có nội dung ghi bà C, ông T2 có mượn của chị Ng Thị Cúc số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) nhưng nại ra rằng biên nhận này là do bà C, ông T2 vay của người quen là bà Nguyễn Thị N3 ở huyện DH, tỉnh Trà Vinh, nhận tiền vay tại nhà bà Nguyễn Thị N3 ở huyện DH, hiện đã trả hết nợ cho bà Nguyễn Thị N3, nhưng không lấy lại biện nhận nợ, còn người khởi kiện trong vụ án này tên là Lê Thị N thì bà C, ông T2 không biết, không rõ vì sao bà Lê Thị N có biên nhận này. Xét thấy, lời nại này của bà, Cúc, ông T2 là không có cơ sở chấp nhận, bởi các lý do sau:

Trong quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm, bà C, ông T2 hoàn toàn không có trình bày nội dung nào liên quan đến việc vay tiền của bà Nguyễn Thị N3 ở huyện DH, tỉnh Trà Vinh, mà cho rằng chữ ký trong biên nhận này không phải do mình viết, ký tên, sau khi có Kết luận giám định số 36/KL-KTHS-(TL-GT) ngày 20/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang thì bà C, ông T2 mới nại ra rằng biên nhận này ông, bà ký tên vay tiền cùa bà N Thị Nguyệt. Mặc khác, theo lời của bà Hoa thì biên nhận nợ này do bà C và ông T2

viết tại nhà bà N Thị Nguyệt ở huyện DH, nhưng phần ghi địa chỉ, ngày tháng năm viết biên nhận thì lại ghi "CD, ngày 24/5/18 âl" là không phù hợp.

Như vậy, từ các chứng cứ là biên nhận nợ, lời khai của người làm chứng, Kết luận giám định số 36/KL-KTHS-(TL-GT) ngày 20/6/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 24/5/18 âl (nhằm nhày 07/7/2018 dương lịch) bà C và ông T2 có vay của bà Lê Thị N số tiền 150.000.000 đồng, khi vay có viết biên nhận nợ. Việc xác lập giao dịch vay tiền trên nguyên tắc tự nguyện, mặc dù trong biên nhận không ghi thỏa thuận trả lãi nhưng do phía nguyên đơn thừa nhận là bị đơn có trả lãi cho nguyên đơn 2,5%/tháng/150.000.000 đồng nên xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự.

Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay khi nguyên đơn có yêu cầu lấy lại vốn vay nhưng bị đơn không trả, nên bà N khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Kim C và ông Tô Hữu T2 có nghĩa vụ liên đới trả vốn, lãi còn nợ là có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Bà C kháng cáo, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, bà C không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ nào khác để chứng mnh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên việc bà C kháng cáo để loại trừ trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3]. Tuy nhiên, về việc tính lãi, xét thấy:

Nguyên đơn bà Lê Thị N thừa nhận bị đơn bà C, ông T2 đã trả lãi từ ngày 07/7/20218 dương lịch đến ngày 22/4/2020 dương lịch theo mức lãi suất 2,5%/tháng/150.000.000 đồng (tương đương với 30%/năm) với số tiền là 80.625.000 đồng. Do mức lãi suất này là cao hơn so với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm, nên Tòa án cấp sơ thẩm tính lại lãi suất theo mức lãi 20% là có căn cứ. Tuy nhiên, việc cấp sơ thẩm tính lãi từ ngày 07/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 12/8/2022 đối với số tiền vốn vay 150.000.000 đồng, sau đó mới khấu trừ lại số tiền 80.625.000 đồng đã trả lãi, buộc ông T2, bà C phải trả số tiền còn lại 192.125.000 đồng cho bà Lê Thị N (trong đó vốn vay 150.000.000 đồng, tiền lãi còn phải trả đến ngày 12/8/2022 là 42.125.000 đồng) là ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn. Trong trường hợp này cần phải tính lại lãi suất theo từng thời gian cụ thể như sau:

- Từ 07/7/2018 đến 22/4/2020: 150.000.000đ x 20%/năm x 1 năm 9 tháng 15 ngày = 53.750.000 đồng.

Cộng vốn và lãi là: 150.000.000 đ + 53.750.000 đ = 203.750.000 đồng, sau đó khấu trừ lại số tiền 80.625.000 đồng đã trả lãi, số tiền còn lại: 203.750.000đ – 80.625.000đ = 123.125.000 đồng tiếp tục tính lãi từ ngày 23/4/2020 đến 12/8/2022 theo mức lãi suất 20%/năm thì số tiền lãi là:

123.125.000đ x 20%/năm x 2 năm 3 tháng 20 ngày = 56.774.000 đồng.

Cộng vốn và lãi là: 123.125.000đ + 56.774.000đ = 179.899.000 đồng.

Buộc bà Huỳnh Thị Kim C và ông Tô Hữu T2 cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị N số tiền 179.899.000 đồng (trong đó vốn vay là 123.125.000 đồng, tiền lãi còn phải trả đến ngày 12/8/2022 là 56.774.000 đồng).

[2.4]. Do có điều chỉnh số tiền phải trả cho nguyên đơn, nên bà Huỳnh Thị Kim C và ông Tô Hữu T2 chỉ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 8.988.000đ .

[2.5]. Về chi phí tố tụng: Giữ nguyên theo nội dung của án sơ thẩm,

[3]. Từ những phận tích trên, hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một kháng cáo của bà C, sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 179/2022/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân huyện CP, tỉnh An Giang.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần, nên bà C không phải chịu án phí DSPT theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Huỳnh Thị Kim C. Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 179/2022/DS-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân huyện CP, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 159, khoản 4 Điều 161, khoản 1 Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 288, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N đối với bà Huỳnh Thị Kim C và ông Tô Hữu T2 về tiền vay và nợ lãi.

Buộc bà Huỳnh Thị Kim C và ông Tô Hữu T2 cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị N tổng số tiền là 179.899.000đ (một trăm bảy mươi chín triệu, tám trăm chín mươi chín nghìn đồng). Trong đó: Vốn 123.125.000đ (một trăm hai mươi ba triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) và tiền lãi tính đến ngày

12/8/2022 là 56.774.000đ (năm mươi sáu triệu, bảy trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo 13/8/2022 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Bà C, ông T2 phải chịu 3.060.000đ (ba triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng) chi phí giám định. Bà C, ông T2 đã nộp đủ số tiền 3.060.000đ (ba triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng) chi phí giám định.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị N.

- Bà Huỳnh Thị Kim C và ông Tô Hữu T2 phải chịu 8.994.950đ (tám triệu, chín trăm chín mươi bốn nghìn, chín trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị Kim C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà C được nhận lại số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004754 ngày 16/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh An Giang.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND cấp cao tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện CP;
- VKSND huyện CP;
- Chi cục THADS huyện CP;
- Lưu: Hồ sơ, Phòng KTNV và THA, Tòa Dân sự, Văn phòng.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hồng Sơn